

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-5-2025  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Thìn.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Nguyễn Thị Nhân.
- Ông Phan Văn Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số C T, Tổ D, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Dương Quang H, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số F, ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*Chị Trần Thị Thùy T vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Dương Quang H vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H có tự tìm hiểu nhau khoảng 03 năm trước khi sống chung vợ chồng vào khoảng năm 2004, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng, năm 2011 chị T và anh H từng ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn số 234/2011/QĐST.HNGĐ ngày 08/7/2011 của

Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Đến ngày 18/02/2020 chị T, anh H đăng ký kết hôn lại tại UBND phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Đến đầu năm 2021 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn như thường xuyên gây gổ, anh H có những lời nói xúc phạm chị T; nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Thời gian đầu khi sống chung vợ chồng sau kết hôn lại thì chị T, anh H sống chung với nhau tại nhà mẹ ruột chị T tại số C T, Tổ 44, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Từ tháng 4/2021 do mâu thuẫn vợ chồng nên anh H đi nơi khác sinh sống và cũng từ thời gian này vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay.

Chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh H, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị T yêu cầu ly hôn anh H.

- Về nuôi con chung: Chị T xác định có 01 con chung tên Dương Quang H1, sinh năm 2006, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn anh Dương Quang H dù đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có văn bản nêu ý kiến và không đến để Tòa án ghi nhận ý kiến anh H đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.***

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Dương Quang H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thùy T. Chị Trần Thị Thùy T và anh Dương Quang H ly hôn.

- Về nuôi con chung: Do con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Do chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Do chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Dương Quang H là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trần Thị Thùy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Dương Quang H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh H theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị T, anh H sống chung vợ chồng vào khoảng năm 2004, có đăng ký kết hôn; Do mâu thuẫn vợ chồng, chị T và anh H từng ly hôn theo quyết định số 234/2011/QĐST.HNGĐ ngày 08/7/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Đến ngày 18/02/2020 chị T, anh H đăng ký kết hôn lại tại UBND phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Từ đầu năm 2021 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn như thường xuyên gây gổ, anh H có những lời nói xúc phạm chị T; nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Thời gian đầu khi sống chung vợ chồng thì chị T, anh H sống chung với nhau tại nhà mẹ ruột chị T tại số C T, Tổ 44, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Từ tháng 4/2021 do mâu thuẫn vợ chồng nên anh H đi nơi khác sinh sống và cũng từ thời gian này vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay.

Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh H, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị T yêu cầu ly hôn anh H.

Về phía anh H: Dù đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, đã biết được chị T yêu cầu ly hôn, nhưng không có văn bản nêu ý kiến và không đến để Tòa án xác minh làm rõ, ghi nhận ý kiến anh H đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Nếu anh H thật sự còn tình cảm và mong muốn hàn gắn vợ chồng với chị T, thì anh H đã sắp xếp công việc đến trình bày ý kiến, nguyện vọng của anh H, nhưng anh H không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Điều đó chứng tỏ anh H bỏ mặc chị T, không còn quan tâm chị T.

Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*

Và tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”*

Chị T và những người làm chứng trình bày từ tháng 4/2021 chị T, anh H không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cũng đã động viên chị T hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh H. Trường hợp không ly hôn thì chị T cũng không sống chung vợ chồng với anh H.

Vì vậy, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh H đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Nếu chị T, anh H đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị T xác định có 01 con chung tên Dương Quang H1, sinh năm 2006, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Do chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Do chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy T phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy T. Cho chị Trần Thị Thùy T ly hôn anh Dương Quang H.

2. Về nuôi con chung: Chị T xác định có 01 con chung tên Dương Quang H1, sinh năm 2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Do chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Do chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy T nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 20/02/2025, theo biên lai thu số 0008145 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND phường Bình Đức, Long Xuyên (ĐKKH Số 22, ngày 18/02/2020);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Minh Thìn**